

THỊ TRƯỜNG CAO SU

- ▶ *Tuần cuối tháng 02/2020, giá cao su trên thị trường thế giới giảm do ảnh hưởng của dịch Covid-19 lan rộng trên thế giới.*
- ▶ *Giá mủ cao su nguyên liệu tại Đắk Lắk giảm theo xu hướng giá thế giới.*
- ▶ *Giá xuất khẩu cao su bình quân tháng 02/2020 tăng so với cùng kỳ năm 2019.*
- ▶ *Năm 2019, thị phần cao su tự nhiên Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ giảm.*

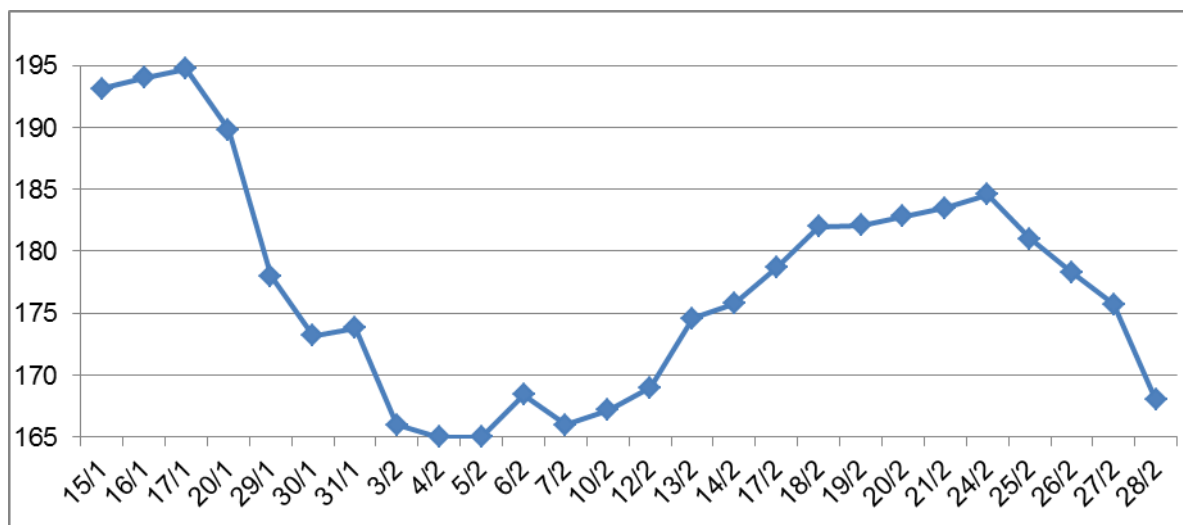
THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Trong tháng 02/2020, giá cao su tại các sàn giao dịch chủ chốt biến động mạnh, cụ thể:

+ Tại Sở giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM), tháng 02/2020 giá cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 3/2020 có xu hướng tăng

trong 3 tuần đầu tháng, sau đó quay đầu giảm mạnh. Ngày 28/02/2020, giá cao su giao kỳ hạn tháng 3/2020 giao dịch ở mức 168 Yên/kg (tương đương 1,54 USD/kg), giảm 3,3% so với ngày 31/01/2020.

Diễn biến giá cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 3/2020 tại sàn Tocom trong tháng 02/2020 (ĐVT: Yên/kg)



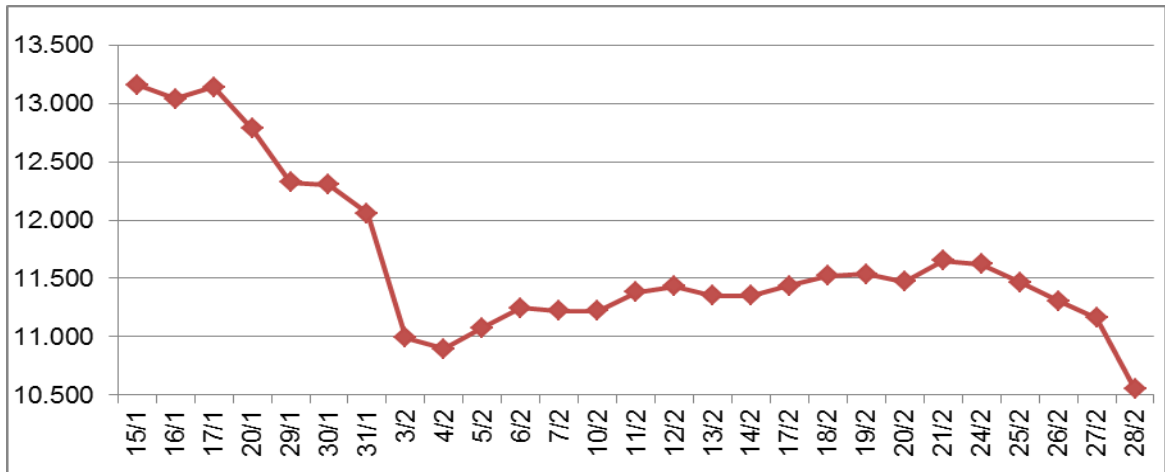
Nguồn: Tocom.or.jp

+ Tại Sàn giao dịch hàng hóa tương lai Thượng Hải (SHFE), giá cao su tự nhiên giao kỳ hạn tháng 3/2020 có xu hướng giảm, giao dịch khá ảm đạm. Ngày 28/02/2020, giá

cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 3/2020 giao dịch ở mức 10.550 NDT/tấn (tương đương 1,51 USD/kg), giảm 12,5% so với ngày 31/01/2020.

Diễn biến giá cao su giao kỳ hạn tháng 3/2020 tại sàn SHFE trong tháng 02/2020

(ĐVT: NDT/tấn)



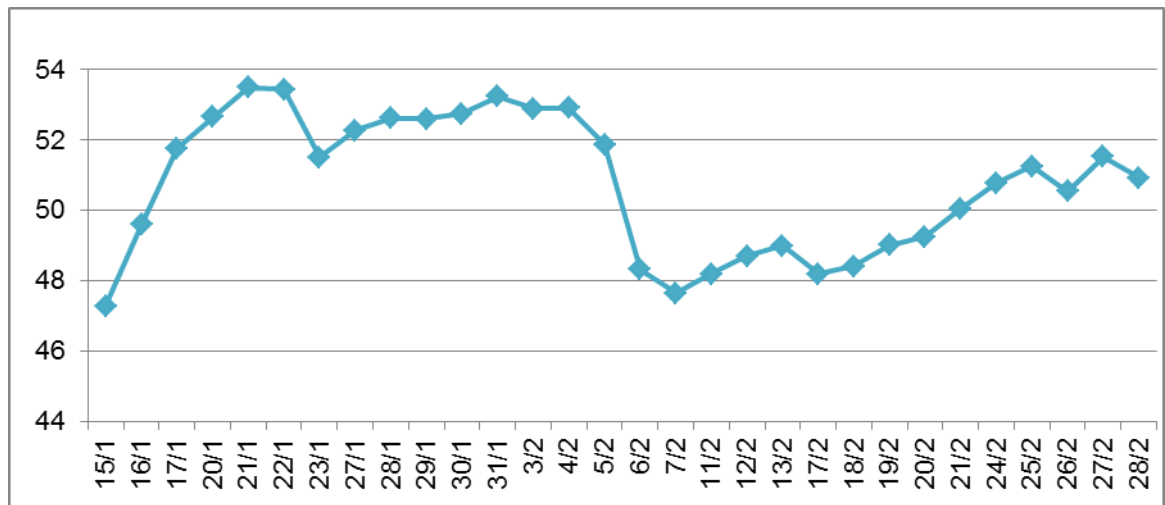
Nguồn: shfe.com.cn

+ Tại Thái Lan, tháng 02/2020, giá cao su RSS3 sau khi giảm xuống 47,7 Baht vào ngày 07/02/2020 đã tăng trở lại, nhưng so với cuối tháng 01/2020 giá vẫn giảm. Ngày

28/02/2020, giá cao su RSS3 chào bán ở mức 50,9 Baht/kg (tương đương 1,59 USD/kg), giảm 4,4% so với ngày 31/01/2020.

Diễn biến giá cao su RSS3 tại Thái Lan trong tháng 02/2020

(ĐVT: Baht/kg)



Nguồn: thainr.com

Giá cao su giảm trong tuần cuối tháng 02/2020 do lo ngại dịch Covid-19 lan rộng sẽ có tác động đến kinh tế thế giới và chuỗi cung ứng toàn cầu. Sự lây lan của Covid-19 ở Trung Quốc sẽ có ảnh hưởng lớn đến ngành

sản xuất ô tô, khiến nhu cầu lốp xe giảm. Tiêu thụ cao su tự nhiên của Trung Quốc chiếm 40% lượng tiêu thụ toàn cầu và chủ yếu được sử dụng cho ngành sản xuất lốp xe.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Giá mủ cao su nguyên liệu tại Đắk Lắk liên tục giảm trong tuần cuối tháng 02/2020 theo xu hướng giảm của thị trường thế giới. Cụ thể ngày 28/02/2020, giá thu mua mủ nước tại vườn và nhà máy tại Đắk Lắk đạt lần lượt 250 Đ/độ TSC và 255 Đ/độ TSC, giảm 12 Đ/độ TSC so với ngày 25/02/2020.

Giá thu mua mủ cao su nước tại vườn và nhà máy của các doanh nghiệp chế biến tại Đắk Lắk trong tháng 02/2020

Chủng loại	ĐVT	Ngày	Ngày	Ngày
		25/02/2020	27/02/2020	28/02/2020
Mủ cao su nước tại vườn	Đ/độ TSC	262	252	250
Mủ cao su nước tại nhà máy	Đ/độ TSC	267	256	255
Mủ chén dây khô	đ/kg	11.200	10.700	10.700
Mủ chén dây vừa	đ/kg	9.900	9.500	9.500
Mủ chén ướt	đ/kg	7.800	7.400	7.400
Mủ tạp	đ/kg	11.200	10.700	10.700
Mủ tận thu	đ/kg	4.200	4.000	4.000

Nguồn: socongthuong.daklak.gov.vn



TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CAO SU CỦA VIỆT NAM

Theo ước tính, xuất khẩu cao su của Việt Nam trong tháng 02/2020 đạt 70 nghìn tấn, trị giá 100 triệu USD, giảm 22,3% về lượng và giảm 23,9% về trị giá so với tháng 01/2020; so với tháng 02/2019 giảm 12% về lượng và giảm 4,9% về trị giá; giá xuất khẩu bình quân tăng 8% so với cùng kỳ năm 2019, lên mức 1.429 USD/tấn. Lũy kế 2 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu cao su ước đạt 160 nghìn tấn, trị giá 231 triệu USD, giảm 32,4% về lượng và giảm 24,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019; giá xuất khẩu bình quân tăng 12,2% so với cùng kỳ năm 2019, lên mức 1.445 USD/tấn.

Theo tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong tháng 01/2020, xuất khẩu hầu hết các chủng loại cao su giảm

so với tháng 01/2019.

Trong đó, cao su tổng hợp là mặt hàng được xuất khẩu nhiều nhất, đạt 62,99 nghìn tấn, trị giá 91,3 triệu USD, giảm 51,2% về lượng và 50,1% về trị giá so với tháng 12/2019; giảm 31,2% về lượng và 22% về trị giá so với tháng 01/2019.

Ngoài ra, xuất khẩu các chủng loại cao su khác cũng giảm so với tháng 01/2019 như: SVR 3L giảm 59,3%; SVR 10 giảm 64,1%; SVR CV60 giảm 50,1%; RSS3 giảm 46%; Latex giảm 71,9%...

Tháng 01/2020, giá xuất khẩu hầu hết các chủng loại cao su tăng so với tháng 01/2019, trừ cao su hỗn hợp. Cụ thể: Giá xuất khẩu cao su tổng hợp tăng 13,4%; SVR 3L tăng 14,4%, SVR 10 tăng 17,1%...

Chủng loại cao su xuất khẩu của Việt Nam trong tháng 01/2020

Chủng loại	Tháng 01/2020			So với tháng 12/2019 (%)			So với tháng 01/2019 (%)		
	Lượng (tấn)	Giá TB (USD/tấn)	Trị giá	Lượng	Giá TB	Trị giá	Lượng	Giá TB	Trị giá
Cao su tổng hợp	62.996	1.449	91.299	-51,2	2,2	-50,1	-31,2	13,4	-22
SVR 3L	8.068	1.540	12.425	-56,8	4,4	-54,9	-59,3	14,4	-53,5
SVR 10	4.810	1.465	7.048	-52,0	3,5	-50,3	-64,1	17,1	-58
SVR CV60	3.817	1.605	6.125	-65,5	4,5	-64	-50,1	14,9	-42,7
RSS3	3.758	1.584	5.954	-33,8	4,3	-30,9	-46	14,5	-38,1
Latex	3.183	1.009	3.212	-83,1	7,5	-81,9	-71,9	16,1	-67,3
SVR CV50	1.271	1.625	2.065	-30,4	6,3	-26,0	-31,0	14,7	-20,9
SVR 20	633	1.473	933	-62,3	6,1	-60,0	-68,8	14,8	-64,2
RSS1	542	1.644	891	-18,5	3,8	-15,4	-32,4	9,8	-25,8
Cao su hỗn hợp	341	1.720	586	-65,2	-2,8	-66,1	-61,5	-15,1	-67,3
Cao su tái sinh	228	804	183	-66,0	13,0	-61,6	-55,3	51,9	-32,1
SVR 5	180	1.614	290	-18,9	4,3	-15,4	-41	14,7	-32,3

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CAO SU CỦA HOA KỲ TRONG NĂM 2019 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, năm 2019 nhập khẩu cao su (mã HS: 4001, 4002, 4003, 4005) của Hoa Kỳ đạt 1,96 triệu tấn, trị giá 3,66 tỷ USD, tăng 2,4% về lượng, nhưng giảm 0,5% về trị giá so với năm 2018. Trong đó, In-đô-nê-xi-a, Thái Lan và Ca-na-đa là 3 thị trường cung cấp cao su lớn nhất cho Hoa Kỳ trong năm 2019.

Năm 2019, Hoa Kỳ tăng nhập khẩu cao su từ một số thị trường chủ chốt gồm: Thái Lan tăng 14,9%; Ca-na-da tăng 8,4%; Li-bê-ri-a tăng 12,5%; Ma-lai-xi-a tăng 38,3%; Đài Loan

tăng 33,6%; Pháp tăng 11,7%... Trong khi giảm nhập khẩu cao su một số thị trường gồm: Việt Nam giảm 10,7%; In-đô-nê-xi-a giảm 1,9%; Bờ Biển Ngà giảm 1,8...

Trong năm 2019, nhập khẩu cao su của Hoa Kỳ từ Việt Nam đạt 32,33 nghìn tấn, trị giá 43,42 triệu USD, giảm 10,7% về lượng và giảm 14,9% về trị giá so với năm 2018, thị phần cao su Việt Nam trong tổng nhập khẩu cao su của Hoa Kỳ chiếm 1,7%, giảm so với mức 1,9% trong năm 2018.

Thị trường cung cấp cao su cho Hoa Kỳ trong năm 2019

(Mã HS: 4001, 4002, 4003, 4005)

Thị trường	Năm 2019			So với năm 2018 (%)			Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Giá TB (USD/tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Giá TB	Trị giá	Năm 2018	Năm 2019
Tổng	1.956.573	1.871	3.660.125	2,4	-2,9	-0,5	100	100
In-đô-nê-xi-a	595.115	1.518	903.412	-1,9	-1,3	-3,2	31,7	30,4
Thái Lan	246.314	1.751	431.257	14,9	-2,2	12,4	11,2	12,6
Ca-na-da	207.282	2.235	463.217	8,4	-0,6	7,7	10,0	10,6
Hàn Quốc	95.644	1.988	190.149	-6,7	-9,3	-15,4	5,4	4,9
Đức	93.524	2.540	237.514	5,7	-3,0	2,5	4,6	4,8
Nhật Bản	92.167	2.848	262.506	-1,1	2,4	1,2	4,9	4,7
Nga	74.742	1.886	140.944	-6,3	3,3	-3,2	4,2	3,8
Mê-hi-cô	72.247	2.115	152.825	-6,4	-11,7	-17,4	4,0	3,7
Bờ Biển Ngà	58.617	1.489	87.253	-1,8	-3,1	-4,8	3,1	3,0
Pháp	58.125	2.361	137.225	11,7	-4,6	6,6	2,7	3,0
Li-bê-ri-a	44.326	1.389	61.563	12,5	-2,5	9,7	2,1	2,3
Đài Loan	41.286	2.343	96.744	33,6	-6,0	25,5	1,6	2,1
Ma-lai-xi-a	35.139	1.579	55.501	38,3	-1,0	36,9	1,3	1,8
Việt Nam	32.335	1.343	43.421	-10,7	-4,7	-14,9	1,9	1,7
Cộng hòa Séc	22.930	1.529	35.061	31,3	-24,0	-0,3	0,9	1,2
Thị trường khác	186.778	1.936	361.533	-4,9	-6,3	-10,9	10,3	9,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ

Về chủng loại nhập khẩu:

Trong năm 2019, nhập khẩu cao su tự nhiên (mã HS 4001) của Hoa Kỳ đạt 1 triệu tấn, trị giá 1,52 tỷ USD, tăng 1,3% về lượng, nhưng giảm 1% về trị giá so với năm 2018. In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Bờ Biển Ngà, Li-bê-ri-a, Ma-lai-xi-a và Việt Nam là 5 thị trường cung cấp cao su tự nhiên lớn nhất cho Hoa Kỳ.

Năm 2019, Hoa Kỳ nhập khẩu 32,28 nghìn tấn cao su tự nhiên từ Việt Nam, trị giá 43,14 triệu USD, giảm 10,8% về lượng và giảm 15,1% về trị giá so với năm 2018. Thị phần cao su tự nhiên của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ giảm từ mức 3,6% trong năm 2018, xuống còn 3,2% trong

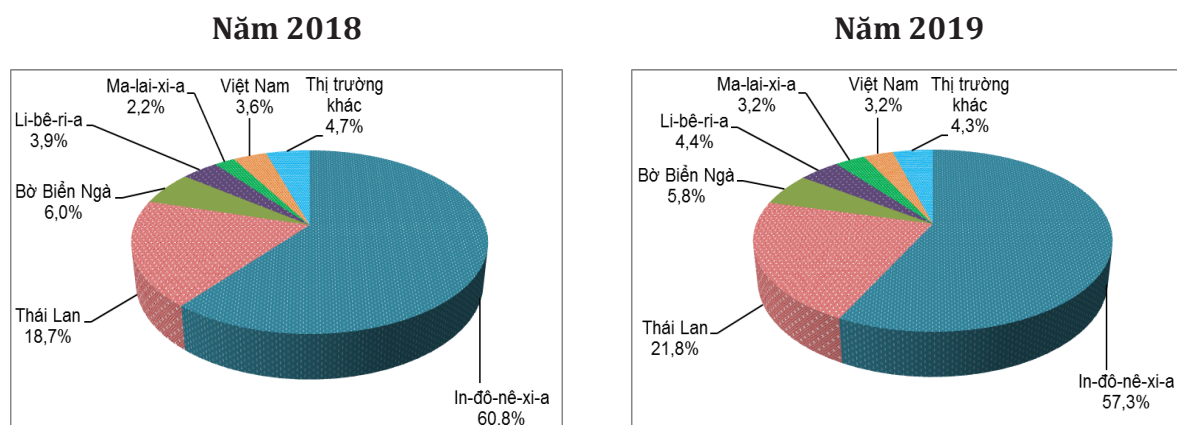


năm 2019.

Cơ cấu thị trường cung cấp cao su tự nhiên cho Hoa Kỳ trong năm 2019 thay đổi khi thị phần cao su của In-đô-nê-xi-a, Bờ Biển Ngà và Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ giảm; thị phần của Thái Lan và Ma-lai-xi-a tăng.

Cơ cấu thị trường cung cấp cao su tự nhiên (mã HS 4001) cho Hoa Kỳ

(ĐVT: % tính theo lượng)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ

Trong năm 2019, Hoa Kỳ nhập khẩu 683,75 nghìn tấn cao su tổng hợp (mã HS 4002), trị giá 1,51 tỷ USD, tăng 3,2% về lượng, nhưng giảm 1,9% về trị giá so với năm 2018. Hàn Quốc, Nhật Bản và Đức là 3 thị trường cung cấp cao su tổng hợp lớn nhất cho Hoa Kỳ trong năm 2019.

Cơ cấu thị trường cung cấp cao su tổng hợp cho Hoa Kỳ trong năm 2019 thay đổi khi thị phần cao su tổng hợp của Hàn Quốc, Nhật Bản, Nga, Mê-hi-cô trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ giảm; tuy nhiên thị phần của Đức, Pháp lại tăng. Trong khi cao su tổng hợp Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ mới chỉ chiếm 0,01%.